

Số: /2022/QĐ-UBND Lai Châu, ngày tháng năm 2022

(Dự thảo)

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 09/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số: /TTr-STC ngày / /2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo các CT TW;
- Các Bộ, ngành: KHĐT, TC, TP, NNPTNT, LĐTĐ, UBĐT;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục Kiểm tra Văn bản – Bộ Tư pháp;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các TV BCĐ các CT của tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

(Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

### **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Hình thức, tỷ lệ quay vòng và thời gian thu hồi kinh phí quay vòng**

- Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền mặt.
- Tỷ lệ quay vòng (*Tỷ lệ thu hồi theo số vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện dự án*).
  - Đối với dự án thực hiện trên địa bàn đặc biệt khó khăn: Tỷ lệ thu hồi vốn từ 10-15% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án thuộc diện hỗ trợ theo quy định.
  - Đối với dự án thực hiện trên địa bàn khó khăn: Tỷ lệ thu hồi vốn từ 15-20% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án thuộc diện hỗ trợ theo quy định.
  - Đối với dự án thực hiện trên địa bàn còn lại: Tỷ lệ thu hồi vốn từ 20-30% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án thuộc diện hỗ trợ theo quy định.
- Thời gian thu hồi: Tối đa không quá 03 tháng kể từ khi kết thúc dự án.

4. Tỷ lệ quay vòng, thời gian thu hồi phải được thể hiện rõ trong quyết định phê duyệt dự án.

#### **Điều 4. Quản lý, sử dụng kinh phí quay vòng**

1. Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.

2. Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện dự án, phương án quyết toán chi ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước của dự án theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Thực hiện nhiệm vụ mở sổ theo dõi riêng các khoản quay vòng, luân chuyển.

3. Nguồn vốn quay vòng được nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ mở tại kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng để sử dụng quay vòng cho các hộ theo mục tiêu của dự án.

4. Trường hợp dự án kết thúc, không thực hiện quay vòng, luân chuyển, không tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất hoặc Chương trình mục tiêu quốc gia kết thúc giai đoạn 2021-2025, thì cơ quan đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước số kinh phí còn lại thực thu hồi được từ dự án.

5. Việc quản lý và sử dụng Quỹ quay vòng vốn phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng trình tự, tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng quỹ và quy định tại Quyết định này.

#### **Điều 5. Điều kiện, phương thức, mức hỗ trợ và thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án quay vòng**

1. Điều kiện đối với các dự án đề quay vòng vốn

1.1. Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

1.2. Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

1.3. Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

1.4. Hộ tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao

động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án.

1.5. Các dự án chỉ được sử dụng vốn khi xây dựng được quy chế hoạt động, trong đó chỉ rõ kế hoạch tiết kiệm, quay vòng vốn để mở rộng sản xuất hoặc đầu tư cho các mục tiêu phát triển khác.

## 2. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ

2.1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia.

2.2. Việc quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ để luân chuyển trên địa bàn thực hiện dự án phải đảm bảo phù hợp với từng dự án và điều kiện cụ thể của từng hộ tại địa phương.

2.3. Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do các nguyên nhân khách quan (*như: thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác*) dẫn đến không có kết quả đầu ra theo kế hoạch, người có thẩm quyền phê duyệt dự án xem xét, quyết định việc thu hẹp phạm vi hoặc tạm dừng dự án và tạm dừng quay vòng, thu hồi kinh phí theo thẩm quyền.

a) Các trường hợp thiệt hại từ 30% đến dưới 50% do các nguyên nhân khách quan đã nêu tại khoản 3 điều này theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (*Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn*) thì thời gian gia hạn thu hồi kinh phí hỗ trợ tối đa 12 tháng.

b) Các trường hợp thiệt hại trên 70% do các nguyên nhân khách quan đã nêu tại khoản 3 điều này theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (*Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn*) thì không thu hồi kinh phí hỗ trợ.

c) Cách thức xác định mức độ thiệt hại: Thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## 3. Thẩm quyền phê duyệt dự án

3.1. UBND cấp huyện quyết định phê duyệt dự án phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất thực hiện trên địa bàn từ 2 xã trở lên.

3.2. UBND cấp xã quyết định phê duyệt dự án phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư thực hiện trên địa bàn 01 xã.

## **Điều 6. Quy trình theo dõi, kiểm tra, giám sát**

1. Theo dõi, kiểm tra, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn

1.1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ đầu tư thực hiện theo dõi, kiểm tra hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân

chuyển vốn trong cộng đồng của từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai trên địa bàn.

1.2. Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án, bao gồm cả tỷ lệ thu hồi, số kinh phí thu hồi, thời gian thu hồi để quay vòng; nghiên cứu, trả lời các kiến nghị, đề xuất của Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã và nhân dân theo thẩm quyền; theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn, kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan; công khai tài chính thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có việc thu hồi, quản lý và sử dụng kinh phí thu hồi để quay vòng theo quy định của pháp luật.

## 2. Theo dõi, giám sát của cộng đồng

### 2.1. Nội dung:

a) Theo dõi, kiểm tra sự phù hợp của quyết định hỗ trợ với nội dung Quy định này và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

b) Theo dõi, kiểm tra việc chủ đầu tư tổ chức triển khai, tiến độ thực hiện hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng của từng dự án trên địa bàn và chấp hành các quy định khác của pháp luật hiện hành.

c) Theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán dự án.

d) Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng, những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện, vận hành dự án.

đ) Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án.

e) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện dự án có liên quan đến hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng.

### 2.2. Trình tự, thủ tục, quy trình giám sát của cộng đồng

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan: Lập kế hoạch giám sát của cộng đồng đối với chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng hàng năm trên địa bàn xã; Chủ trì thành lập Ban Giám sát của cộng đồng cho từng dự án hỗ trợ, thành phần của Ban ít nhất 5 người, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã, Thanh tra nhân dân và đại diện người dân trên địa bàn; Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư dự án về chương trình, kế hoạch đã đề ra và thành phần Ban giám sát của cộng đồng chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện; Xác nhận các văn bản phản ánh, kiến nghị của Ban giám sát của cộng đồng trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư dự án: Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cho Ban giám sát của cộng đồng; Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban giám sát cộng đồng thực hiện

việc giám sát theo quy định của pháp luật; Tiếp thu ý kiến giám sát và tăng cường các biện pháp thực hiện dự án.

c) Ban giám sát của cộng đồng: Tổ chức thực hiện giám sát của cộng đồng theo chương trình, kế hoạch đã đề ra; tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi tới các cơ quan quản lý có thẩm quyền; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý có thẩm quyền về những kiến nghị của mình; Hướng dẫn, động viên cộng đồng tích cực thực hiện quyền giám sát của cộng đồng theo quy định của pháp luật; Định kỳ hoặc đột xuất lập và gửi các báo cáo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về kết quả giám sát của cộng đồng.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 7. Trách nhiệm thực hiện**

###### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1.1. Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện cơ chế quay vòng.

1.2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

###### **2. Sở Tài chính**

Phối hợp các cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn.

###### **3. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

3.1. Căn cứ dự toán UBND tỉnh giao để phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong cộng đồng theo quy định.

3.2. Quyết định phê duyệt dự án phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất thực hiện trên địa bàn từ 2 xã trên địa bàn huyện trở lên.

2.3. Chỉ đạo phòng chuyên môn báo cáo kết quả thực hiện thu hồi, quản lý, sử dụng kinh phí quay vòng 6 tháng và hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp.

3.4. Kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế quay vòng vốn trong cộng đồng.

#### 4. Ủy ban nhân dân cấp xã

4.1. Quyết định phê duyệt dự án phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư thực hiện trên địa bàn 01 xã.

4.2. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao theo đúng quy định.

4.3. Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo về phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tình hình thực hiện dự án của các cộng đồng dân cư để tổng hợp. Đối với các dự án phải tạm dừng, hủy bỏ, sau 03 tháng kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi số kinh phí hỗ trợ, UBND cấp xã báo cáo kết quả và số tiền đã nộp vào tài khoản tiền gửi mở tại kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng.

#### 5. Đối với cộng đồng dân cư được tham gia dự án phát triển sản xuất

Thực hiện quản lý, tổ chức việc quay vòng luân chuyển vốn trong cộng đồng theo đúng quy định hiện hành. Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hàng năm và tổng kết, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

#### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh sửa đổi bổ sung./.